

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 24-5-2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Quốc và ông Nguyễn Thành Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2024/QĐ-TA ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 02/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (JIVF)

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Taniguchi N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận Quản lý Công nợ. (Theo Giấy ủy quyền số 59/2022/UQ-JIVF ngày 06/12/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Quốc B – Nhân viên JIVF

(Theo Giấy ủy quyền số 651/2023/UQLM- JIVF ngày 06/11/2023).

Bị đơn: Bà Trương Thanh X, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông **Trương Quốc B** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà **Trương Thanh X** vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là **Công ty T (JIVF)** do người đại diện theo ủy quyền là ông **Trương Quốc B** trình bày:

Ngày 18/5/2022, bà **Trương Thanh X** có ký với **Công ty T (JIVF)** Hợp đồng tín dụng số **930270002836322000** để vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 3,87%/tháng (46,44%/năm); mục đích vay: Sửa chữa nhà ở. Sau khi vay thì bà **X** đã trả cho JIVF số tiền 13.104.933 đồng (trong đó nợ gốc là 3.833.774 đồng, nợ lãi 9.151.159 đồng, phí quản lý khoản vay 120.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 21/3/2023 đến nay thì bà **X** không trả nợ gốc và lãi cho JIVF mặc dù đã được JIVF yêu cầu nhiều lần.

Do bà **Trương Thanh X** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên JIVF yêu cầu Tòa án buộc bà **Trương Thanh X** phải trả cho JIVF số tiền tạm tính đến hết ngày 29/5/2023 là **23.033.046 (hai mươi ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn không trăm bốn mươi sáu)** đồng (gồm: Tiền nợ gốc: 21.166.226 đồng; Lãi: 1.831.278 đồng; Lãi quá hạn: 11.542 đồng; Phí quản lý tài khoản vay: 24.000 đồng) và tiền lãi, phí tiếp tục phát sinh sau ngày 29/5/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà **Trương Thanh X** để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **Trương Thanh X** vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **Trương Thanh X** cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho bà **Trương Thanh X** biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà **Trương Thanh X** cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn **Công ty T (JIVF)** do người đại diện theo ủy quyền là ông **Trương Quốc B** vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến: JIVF yêu cầu Tòa án buộc bà **Trương Thanh X** phải trả cho JIVF số tiền tạm tính đến ngày **24/5/2024** là **33.207.825** đồng (gồm: Nợ gốc: 21.166.226 đồng; Lãi: 10.799.100 đồng; Lãi quá hạn: 1.086.499 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày **25/5/2024** cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022.

Bị đơn bà **Trương Thanh X** vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, ông **Trương Quốc B** là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà **Trương Thanh X** vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Trương Thanh X** là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: **Căn cứ** Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (JIVF), buộc bà Trương Thanh X phải trả cho JIVF số tiền tính đến ngày 24/5/2024 là 33.207.825 đồng (gồm: Nợ gốc: 21.166.226 đồng; Lãi: 10.799.100 đồng; Lãi quá hạn: 1.086.499 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022.

Về án phí: Bị đơn bà **Trương Thanh X** phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn **Công ty T (JIVF)** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 23.033.046 (hai mươi ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn không trăm bốn mươi sáu) đồng và tiền lãi, phí tiếp tục phát sinh sau ngày 29/5/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú: **ấp K, xã P, huyện T, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định **Công ty T (JIVF)** là nguyên đơn, bà **Trương Thanh X** là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông **Trương Quốc B** là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà **Trương Thanh X** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà **Trương Thanh X** đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp **Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022, Lệnh thanh toán số 900V2250W3CP51C4 của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Thành phố H, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn của bà Trương Thanh X**. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đã thông báo việc thu thập tài liệu, chứng cứ cho bị đơn biết để thực hiện quyền của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày cũng như phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Về tiền nợ gốc:

Theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

“... Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định...

... Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Tại Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 thể hiện bà **Trương Thanh X** có vay của **Công ty T (JIVF)** số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 3,87%/tháng (46,44%/năm); mục đích vay: Sửa chữa nhà ở. **JIVF đã chuyển tiền vay cho bà Trương Thanh X thông qua chuyển khoản theo Lệnh thanh toán số 900V2250W3CP51C4 của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Thành phố H**. Sau khi vay, thì bà **Trương Thanh X** đã trả 5.404.303 đồng (trong đó nợ gốc là 2.781.707 đồng, nợ lãi 2.581.593 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.003 đồng,

phí quản lý khoản vay 36.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 19/3/2023 đến nay thì bà **Trương Thanh X** không trả nợ gốc và lãi cho JIVF mặc dù đã được JIVF yêu cầu nhiều lần.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3, khoản 4.2 Điều 4, khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 nên JIVF khởi kiện yêu cầu bà **Trương Thanh X** phải trả cho JIVF số tiền nợ gốc **21.166.226** đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, thì:

“...Điều 91. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”

Tại Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 thể hiện bà **Trương Thanh X** và JIVF thỏa thuận lãi suất vay là 3,87%/tháng (46,44%/năm), đồng thời JIVF cũng đã niêm yết công khai lãi suất áp dụng tại thời điểm vay được bà **Trương Thanh X** đồng ý nên có căn cứ chấp nhận đối với lãi suất vay mà các bên thỏa thuận là 3,87%/tháng (46,44%/năm).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty T** (JIVF), **buộc bà Trương Thanh X phải trả cho Công ty T (JIVF) số tiền tính đến ngày 24/5/2024 là 33.207.825 đồng** (gồm: Nợ gốc: **21.166.226 đồng**; Lãi: **10.799.100 đồng**; Lãi quá hạn: **1.086.499 đồng**; Phí quản lý khoản vay: **156.000 đồng**) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày **25/5/2024** cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022.

[3] Về án phí:

Bị đơn bà **Trương Thanh X** phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn **Công ty T** (JIVF) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty T (JIVF) đối với bị đơn là bà Trương Thanh X.

Buộc bà Trương Thanh X phải trả cho Công ty T (JIVF) số tiền tính đến ngày 24/5/2024 là 33.207.825 (ba mươi ba triệu hai trăm lẻ bảy ngàn tám trăm hai mươi lăm) đồng (gồm: Nợ gốc: 21.166.226 đồng; Lãi: 10.799.100 đồng; Lãi quá hạn: 1.086.499 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2024) bà Trương Thanh X còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930270002836322000 ngày 18/5/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí:

Hoàn lại cho Công ty T (JIVF) số tiền 575.826 (năm trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013316 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Bà Trương Thanh X phải chịu 1.660.391 (một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn ba trăm chín mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Trí Nguyên